

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07-12-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh
2. Ông Dương Thành Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương – Kiểm sát viên

Trong các ngày 03 và ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1983

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-6-2021 các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Kim H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh T sau thời gian tìm hiểu khoảng 04 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S nay là thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21-12-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Thanh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không tôn trọng bà, thường

xuân cải vã và đánh đập bà. Từ tháng 6 năm 2021 bà đã thuê nhà sống riêng và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 01-10-2004 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 22-11-2009. Hiện nay, cháu N đang sống với bà còn cháu T đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 01-10-2004 và cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 22-11-2009 cho bà Trần Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để bảo đảm sự phát triển bình thường và ổn định của hai cháu, ông T cấp nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện S nay là thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 21-12-2004 nên hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp. Theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, không tôn trọng bà, thường xuyên cãi vã và đánh đập bà nên tình cảm của bà với ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh T. Về phía ông T, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim H về việc yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

[2.2] *Về con chung:* Bà và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 01-10-2004 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 22-11-2009. Hiện nay cháu N đang sống với bà H, còn cháu T đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Xét hai cháu đều có nguyện vọng ở với bà H nên giao cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà Trần Thị Kim H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Thanh T không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Bà Trần Thị Kim H trình bày không có, ông Nguyễn Thanh T không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 244, 266, 271, 273

và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều a, khoản 5 và điểm a, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao hai con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 01-10-2004 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 22-11-2009 cho bà Trần Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Khánh N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Khánh N thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung* Bà Trần Thị Kim H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Thanh T không trình bày ý kiến nên hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà Trần Thị Kim H trình bày không có, ông Nguyễn Thanh T không trình bày ý kiến nên hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007325 ngày 09-6-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND xã T, TP. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa